



**“KỂ CHUYỆN DÂN TỘC HỌC”
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỘNG
ĐỒNG NÔNG THÔN: TRƯỜNG HỢP
LÀNG HWANGGOL CỦA HÀN QUỐC**

YOUNGSOON KIM
HEEJIN YUN
SEUNGEUNCHOI

Giới thiệu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra khái niệm “kể chuyện dân tộc học” (ethnotelling) như là một phương pháp nghiên cứu để tìm hiểu về một vài làng đặc biệt (mang tính đặc thù). Thuật ngữ “kể chuyện dân tộc học” được hiểu như là một từ ghép của từ “dân tộc học mô tả” (ethnography) và từ “kể chuyện” (storytelling). Dân tộc học mô tả là một phương pháp luận dựa trên sự quan sát trực tiếp và các bài viết do các nhà nhân học văn hóa và dân tộc học tạo ra sau khi thực hiện các chuyến điền dã (Gobo, 2008). Kể chuyện có nghĩa là “tạo ra câu chuyện” được dùng để ghi lại tiểu sử và nghiên cứu lịch sử truyền miệng (Kim, 2011). Kể chuyện dân tộc học là phương pháp nghiên cứu tổng hợp của hai phương pháp trên. Động lực của phương pháp kể chuyện dân tộc học xuất phát từ Youngsoon Kim (2010, 2011).

Kể từ khi dân tộc học mô tả hiện nay có hình thức của một trang mạng (webzine) và các dịch vụ công thông tin - tri thức, khái niệm về kể chuyện dân tộc học xuất hiện. Có những giới hạn của các tài liệu khác nhau (ảnh, tư liệu, dữ liệu phỏng vấn...)

trong dân tộc học mô tả trước đây, thường được xuất bản dưới dạng sách. Nhìn chung, dân tộc học mô tả thường chứa đựng những giải thích của nhà nghiên cứu hoặc được tổ chức lại bằng một khái niệm và tiêu chuẩn nhất định liên quan đến thực tiễn và tình huống. Tuy nhiên, dân tộc học mô tả gần đây được đưa ra như một phần viết thú vị cho người đọc. Nó bao gồm những câu chuyện và những cuộn băng video về một nơi nào đó để người đọc có thể hình dung một cách sống động khi đọc một cốt truyện cố định.

Hiện tại, dân tộc học mô tả cũng không khác gì một cuốn sách nhưng được lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số mà tất cả mọi người đều có thể truy cập được. Bất cứ lúc nào người ta cũng có thể tìm kiếm và truy cập thông tin từ các máy tính cá nhân cho đến các điện thoại thông minh. Để đạt được mục tiêu này, phương pháp dẫn chứng bằng tài liệu của dân tộc học mô tả cần có những thay đổi cơ bản. Vì vậy, nghiên cứu này coi việc kể chuyện dân tộc học như là một loại hình mới của dân tộc học mô tả. Sử dụng phương pháp mới này, chúng tôi mô tả làng Hwanggol tại Gumdan, thành phố Incheon, Hàn Quốc.

1. Cơ sở lý thuyết

1.1. Điều kiện của kể chuyện dân tộc học

Nghiên cứu về địa phương trong khuôn khổ một vùng là điều kiện cốt yếu của kể chuyện dân tộc học. Điều kiện của việc tạo lập có thể hoặc là một trong hai lý do cá nhân như nơi cư trú, quê quán và khu vực ưu tiên, hoặc là mang tính truyền thống như làng văn hóa dân gian và làng nghề truyền thống. Rõ ràng, kể chuyện dân tộc học không chỉ là nghiên cứu về làng nghề truyền thống. Văn hóa địa phương được tạo nên bởi những người dân sống ở khu vực này và họ đã lưu giữ truyền thống và lịch sử của địa phương mình. Cho dù khu vực nghiên cứu là thành phố hiện đại, có thể tiến hành dân tộc học mô tả với điều kiện là các nền văn hóa địa phương của thành phố vẫn được duy trì. Do đó, khu vực nghiên cứu tốt nhất của chúng tôi có thể là nơi cư trú. Sau khi đã thiết lập ranh giới khu vực, chúng tôi lên danh mục lý do và mục đích nghiên cứu. Bài viết này đề xuất làng Hwanggol là một ví dụ, do Youngsoon Kim & HeejinYun (2010), Youngsoon Kim & Segyeong Oh (2010), và Youngsoon Kim & Jihye Lim (2010) tiến hành nghiên cứu. Những lý do để lựa chọn khu vực này như sau:

Khởi đầu Gimpo thuộc tỉnh Gyeonggi, vùng Gumdan ở phía Nam của thành phố Incheon được sáp nhập vào tỉnh Incheon năm 1995. Tuy nhiên, theo nghi lễ thờ cúng của làng và các hoạt động Nho giáo và bảo tồn làng, nơi các gia đình và họ hàng sinh sống cùng nhau, thì khu vực sinh sống vẫn thuộc tỉnh Gimpo. Do sự phát triển đô thị quốc gia của vùng Gumdan được phê duyệt vào tháng 11 năm 2009, đến tháng 12 năm

2013 nên một số thị trấn mới đã được xây dựng. Cuốn theo dòng chảy từ bên ngoài vào Gumdan, rất khó có thể tìm thấy những cảnh quan ban đầu và đã có những xung đột giữa người bản địa và người mới đến trong khu vực mới hoàn thành. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu theo phương pháp kể chuyện dân tộc học về tài nguyên văn hóa địa phương, chúng ta sẽ tìm hiểu văn hóa địa phương thông qua các làng tự nhiên trong khu vực phát triển. Hơn nữa, chúng tôi cố gắng giữ gìn giá trị của nền văn hóa không chỉ cho các cư dân ở vùng Gumdan mà còn cho tất cả mọi người.

1.2. Quy trình của kể chuyện dân tộc học

Quy trình của kể chuyện dân tộc học bao gồm nghiên cứu thực địa, tập hợp tài liệu như là một bước của dân tộc học mô tả và xác định loại hình của các bước kể chuyện. Quy trình này bao gồm việc điều tra và thu thập tài nguyên văn hóa khu vực để tạo ra các giá trị văn hóa. Sau đó, cách kể chuyện được xác định tương ứng với đặc trưng của các nội dung.

Giai đoạn nghiên cứu được chia thành các phần như tổng quan tài liệu, kiểm tra hình ảnh, và nghiên cứu thực địa. Quan sát tham gia là phương pháp luận hữu ích để nắm bắt được kinh nghiệm của người dân địa phương, để có thể mô tả cách thức con người sống và tương tác với môi trường trong điều kiện nhất định. Giai đoạn này rút ra những kiến thức và cảm xúc về các nguồn tài nguyên văn hóa địa phương từ các cư dân địa phương.

Trong giai đoạn nghiên cứu thực địa, các nhà nghiên cứu phải đến tận nơi và kiểm tra các tài nguyên văn hóa địa phương tại địa

bàn, sau đó, nghiên cứu tỉ mỉ những câu chuyện. Bằng cách lựa chọn thông tin viên, những người đã sống tại địa phương trong một thời gian dài hoặc những người yêu mến mảnh đất này, các nhà nghiên cứu phỏng vấn họ, tham gia vào các sự kiện văn hóa, chụp ảnh và làm phim video. Do phải thiết lập niềm tin giữa các nhà nghiên cứu và người bản địa nên công tác điền dã cần được tiến hành trong một thời gian tương đối dài. Bằng cách tổng quan tài liệu và kiểm tra các hình ảnh trước khi nghiên cứu thực địa, các nhà nghiên cứu có thể có được những kết quả nghiên cứu thực địa hiệu quả hơn. Trong suốt thời gian nghiên cứu thực địa, có thể có hai quan điểm tương ứng: quan điểm của người ngoài cuộc và quan điểm của cư dân trong cuộc. Hai quan điểm đó sẽ giúp chúng ta hiểu về tài nguyên văn hóa địa phương theo quan điểm của người dân bản địa và xác định ý nghĩa khoa học và xã hội của văn hóa địa phương thông qua quan điểm khách quan của các nhà nghiên cứu.

2. Công tác nghiên cứu và mô tả tài liệu đối với kể chuyện dân tộc học

2.1. Nghiên cứu trước

Sau khi xác định địa điểm nghiên cứu đối với việc kể chuyện về văn hóa địa phương, việc nghiên cứu trước về văn hóa địa phương và tài nguyên là điều cần thiết. Nghiên cứu trước được phân chia thành tổng quan tài liệu, nghiên cứu hình ảnh bằng cách sử dụng bản đồ và ảnh chụp và liên hệ trước cho nghiên cứu chính.

Khi xem xét tài liệu tham khảo, các nhà nghiên cứu không chỉ tham khảo những cuốn sách một cách chung chung mà còn cả

những tài liệu của tỉnh và các thống kê chung và riêng, và báo cáo nghiên cứu. Ngoại trừ giới hạn ranh giới, lịch sử địa phương của khu vực láng giềng cũng có thể tiết lộ nhiều câu chuyện được giấu kín.

Xem xét hình ảnh bao gồm việc thu thập và sử dụng bản đồ và hình ảnh của khu vực. Bằng trực quan, các nhà nghiên cứu nắm được những tri thức rút ra từ các tài liệu. Đặc biệt, bản đồ là tài liệu đầu tiên để có được những thông tin về không gian, chẳng hạn như vị trí của làng, cấu trúc bên trong, cảnh quan, sử dụng đất đai... (Kim, 2009). Các bản đồ có thể xác định địa điểm liên quan và các thông tin khác không được trình bày trên bản đồ bằng cách gắn hình ảnh hoặc mô tả thông tin bên dưới bản đồ. Tư liệu hình ảnh được tạo ra là để sử dụng cho cuộc phỏng vấn chính, khảo sát về các hoạt động văn hóa, và chụp ảnh.

Mỗi tài liệu nghiên cứu được tổ chức thành các tập tin kỹ thuật số sau các cuộc nghiên cứu. Chương trình Excel và Word thường được sử dụng để làm những việc đó. Tập tin Excel đánh số mỗi tài liệu tham khảo và hình ảnh, và tập tin Word tổ chức nội dung của tài liệu tham khảo.

Khi hoàn thành xong các tập tin, những người được phỏng vấn và các hoạt động văn hóa tham gia đều được liệt kê. Việc tiếp xúc trước với các đại diện hoặc người già trong làng có thể tiết kiệm thời gian để hình thành mạng lưới con người. Các nhà nghiên cứu nên giới thiệu mục đích của nghiên cứu và cách thức thực hiện để người dân có thể giúp đỡ họ trong nghiên cứu, sau đó, lên lịch hẹn khi sắp xếp được

thời gian và địa điểm. Khi thông tin viên tại thực địa, người có thể giải thích các hoạt động văn hóa, đã được chỉ định, các nhà nghiên cứu nên đưa ra một bảng câu hỏi. Nếu không có thông tin viên tại thực địa thì có thể tìm một người tại trung tâm người cao tuổi hay trung tâm cộng đồng trong làng.

2.2. Thực hiện nghiên cứu chính

Nghiên cứu chính là quy trình nghiên cứu thực địa để tìm hiểu các chủ đề của kể chuyện dân tộc học dựa trên các kết quả điều tra trước. Kể chuyện dân tộc học sử dụng các nguồn tài nguyên văn hóa địa phương có trong cuộc sống hàng ngày đưa vào bối cảnh mà trong đó người kể chuyện (người được phỏng vấn, các hoạt động văn hóa, v.v.) nên đưa ra ý nghĩa đối với nhà nghiên cứu và ngữ cảnh của nó. Do đó, nghiên cứu dài hạn sẽ nhận được kết quả tốt hơn là nghiên cứu ngắn hạn. Đặc biệt, tạo ra được một câu chuyện mang tính hiện thực là điều quan trọng.

Nghiên cứu thực địa chủ yếu được chia thành các cuộc phỏng vấn, sự tham gia các hoạt động văn hóa và chụp ảnh. Các cuộc phỏng vấn về thông tin văn hóa địa phương được những người tham gia phỏng vấn trả lời. Không có giới hạn về nội dung để những câu chuyện dân gian, những số liệu về khu vực, tiểu sử và cả những câu chuyện khác đều thích hợp. Nội dung cuộc phỏng vấn được ghi lại và viết thành văn bản. Các nhà nghiên cứu nên thông báo lại cho tất cả những người được phỏng vấn rằng mọi cuộc phỏng vấn đều được ghi lại. Sau cuộc phỏng vấn, điều cần thiết là có được sự

thỏa thuận về thông tin cá nhân và cần đánh giá cao những đóng góp của họ.

Trong trường hợp quan sát hoạt động văn hóa, các nhà nghiên cứu tham gia vào sự kiện của khu vực như lễ hội, nghi lễ cúng tế và cuộc họp thôn. Đây là cơ hội để họ tham gia trực tiếp vào văn hóa địa phương. Không chỉ quan sát trên quan điểm mang tính chất sử thi, các nhà nghiên cứu còn hiểu được cảm xúc của những người sống trong làng bằng cách tham gia vào các hoạt động của họ. Những hoạt động này được thực hiện kế tiếp sau các nghiên cứu trước đó về lịch sử, địa điểm, ý nghĩa và mục đích của sự kiện. Ngoài ra, gặp gỡ các thông tin viên có thể giúp thu thập dữ liệu. Sau khi tham gia vào các sự kiện, các nhà nghiên cứu cần tổ chức lại hình ảnh đã chụp tại các nơi đó và đặt thêm câu hỏi cho những người tổ chức sự kiện hay những người cung cấp thông tin trên thực địa.

Cũng như phỏng vấn và ghi âm, chụp ảnh hoặc quay video rất quan trọng. Thêm vào đó, các nhà nghiên cứu cũng có thể sử dụng những bức ảnh về cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa và môi trường sống. Thậm chí, nếu họ có được những bức ảnh đẹp ở giai đoạn trước thì có thể giới thiệu trực tiếp những bức ảnh đó ra để tận mắt xác nhận những đổi thay và đảm bảo quyền tác giả. Tài liệu hoặc thiết bị máy ảnh sẽ giúp cho việc ghi nhớ các thời điểm chụp và nơi chụp. Những hình ảnh này giúp cho việc chọn địa điểm điền dã và hiểu được bối cảnh. Bảng 1 dưới đây cho ta thấy các tiêu chuẩn của tổ chức nghiên cứu thực địa.

Bảng 1. Tiêu chuẩn về tổ chức điền dã

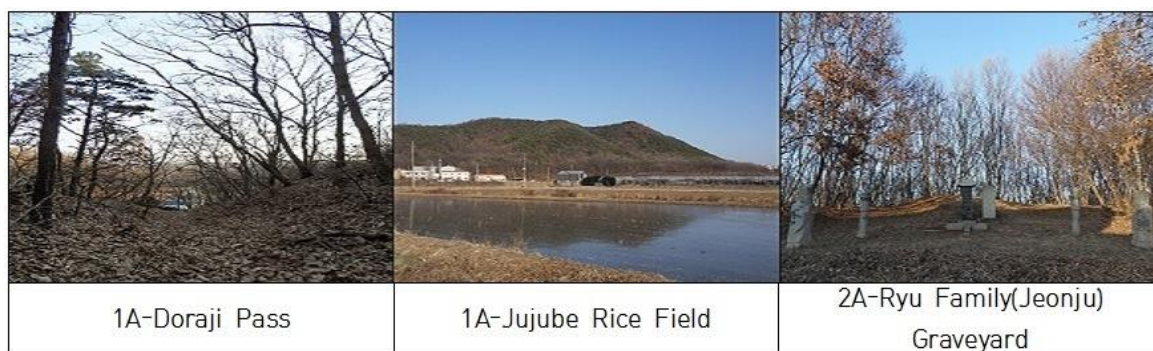
Nội dung		Loại kết quả	
1	Địa lý	A	Ảnh
2	Di sản văn hóa	B	Băng video
3	Con người	C	Bản ghi chép

Sau khi nghiên cứu thực địa, các nhà nghiên cứu chủ yếu viết về các lĩnh vực thông qua báo cáo điền dã, các bản ghi chép, các hình ảnh chụp được... Những kết quả nghiên cứu thực địa này căn cứ vào những tiêu chuẩn được quy định tại Bảng 1. Bối cảnh có liên quan cần được thể hiện hoặc liên kết với mỗi tập tin.

Nếu dữ liệu của tập tin nghiên cứu trước đó có liên quan đến tập tin khác thì chúng cần được sắp xếp lại với nhau. Những

tập tin liên quan này rất hữu ích để tạo ra những câu chuyện và xác nhận lại trong quá trình một nguồn tài liệu được sử dụng nhiều lần (OSMU). Trong trường hợp tổ chức các tập tin hình ảnh, đầu tiên là số Ả-rập đề cập đến các nội dung của tập tin (Hình 1), và thứ hai là các chữ cái thể hiện kiểu tập tin của kết quả (Bảng 1). Chú thích hình ảnh dựa trên các thông tin từ các bức ảnh hoặc từ các thông tin nghiên cứu trước. Đây là một ví dụ về làng Hwanggol.

Hình 1. Một ví dụ về sắp xếp các hình ảnh ở làng Hwanggol



Bảng 2. Cách liên kết hình ảnh và báo cáo

Tài liệu	Nội dung	Dữ liệu liên quan
1A - Đèo Doraji	Kết nối Taejung với làng Ansan và làng Hwanggol	Nghiên cứu trước 1, bản ghi chép số 15
1A - Cánh đồng lúa - táo	Cánh đồng lúa gần cây táo	Bản ghi chép số 15, tài liệu vùng Gimpo
2A - Nghĩa địa gia đình Ryu (Jeonju)	Ở gần làng Hwanggol và làng Daratae	Bản ghi chép số 13, 15, 文化遺蹟分布地圖

Các tập tin hình ảnh đã được sắp xếp gắn với một cái tên và phác thảo những nội dung trong báo cáo điền dã. Nếu bản ghi chép giải thích hoặc chứa đựng nội dung của những hình ảnh thì nên đưa ra một lời ghi chú về tên của tập tin hình ảnh đó. Bảng 2 chỉ ra cách chú thích nội dung của các hình ảnh tại làng Hwanggol.

Như chúng tôi đã gợi ý, nghiên cứu chính là quy trình quan trọng nhất trong kể chuyện dân tộc học. Sở dĩ như vậy là vì các nhà nghiên cứu tìm ra địa điểm và đối tượng nghiên cứu dựa trên các nghiên cứu trước. Do đó, sự thành công của kể chuyện dân tộc học phụ thuộc vào các kết quả này.

3. Thể loại và sự hình thành của kể chuyện dân tộc học

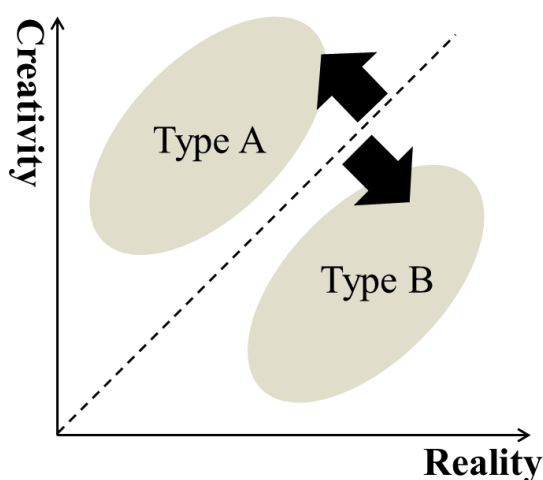
3.1. Thể loại kể chuyện dân tộc học

Kể chuyện dân tộc học tập trung vào cả giá trị thông tin và cảm xúc. Theo đặc điểm của nội dung đem lại, thể loại của kể

chuyện dân tộc học phụ thuộc vào thực tế (reality) và tính sáng tạo (creativity). Trong khi thực tế nâng cao giá trị thông tin thì sáng tạo thúc đẩy giá trị cảm xúc (Xem Hình 2).

Hình 2 chỉ ra các loại hình của kể chuyện dân tộc học. Mặc dù tính sáng tạo và thực tế là không thể đo lường được, loại A và loại B có thể được phân loại theo công việc của từng phần. Loại A có nhiều tính sáng tạo hơn là tính thực tế, mà nó thường thể hiện như phim hoặc các trò chơi. Loại A của kể chuyện dân tộc học bản thân nó đã chứa đựng tính sáng tạo và được xử lý một cách tế nhị để truyền đạt cảm xúc của người dân. Trái lại, loại B mang tính hiện thực hơn và có thể được coi như phim tài liệu hay triển lãm bảo tàng. Loại này có thể được lý giải như là chỉ báo khách quan. Vì vậy, yếu tố khách quan là điều quan trọng thay vì kể chuyện sáng tạo. Các thể loại của kể chuyện dân tộc học được thể hiện trong Bảng 3.

Hình 2. Thể loại của kể chuyện dân tộc học



Bảng 3. Những tính chất đặc trưng của kể chuyện

Thể loại	Tương quan giữa tính sáng tạo và thực tế	Đặc điểm	Trường có sẵn
A	Tính sáng tạo > Thực tế	Gây xúc động, khôi hài	Các nội dung của văn hóa dân gian có liên quan đến kinh nghiệm địa phương
B	Tính sáng tạo < Thực tế	Mang tính thực tiễn và tính lịch sử	Nội dung thực tiễn dựa trên kinh nghiệm lịch sử

Tài nguyên văn hóa địa phương phụ thuộc nhiều vào mục đích của các nhà nghiên cứu. Chúng biến đổi về loại hình và nội dung. Bằng một vài xử lý dựa trên lịch sử khu vực và các cuộc phỏng vấn hay những câu chuyện dân gian, những thứ đã được coi là loại A, thì có thể tạo ra kết quả như loại B. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi các nhà nghiên cứu có được cả hai quan điểm khách quan và chủ quan. Do vậy, giai đoạn nghiên cứu trước đóng vai trò thiết yếu trong kể chuyện dân tộc học.

Sáng tác câu chuyện là một trong những giai đoạn quan trọng trong kể chuyện dân tộc học. Trong giai đoạn này, các nhà nghiên cứu tạo ra một câu chuyện có thật dựa trên các tài liệu nghiên cứu và báo cáo điền dã. Giai đoạn này bắt đầu bằng việc lựa chọn thể loại kể chuyện. Chủ yếu gồm ba phần: (1) Lựa chọn chủ đề của kể chuyện dân tộc học, (2) Phác thảo và lựa chọn thể loại, và (3) Đưa ra quy trình. Câu chuyện của làng Hwanggol là chủ đề cho các lớp trên của trường tiểu học, và sẽ được phân phát như một ấn phẩm giáo dục kết hợp với giải trí.

Giai đoạn đầu tiên là lựa chọn đối tượng để tạo ra một câu chuyện.

Đối tượng được lựa chọn sẽ được phân loại theo chủ đề lớn (thiên nhiên, nguồn gốc địa danh, họ của gia đình, di sản văn hóa, dân làng...), và mỗi chủ đề lại được quy về các nhóm hoặc cá nhân. Nếu chủ đề liên quan đến một số vấn đề lớn thì sự phối hợp là cần thiết. Tổng quan tài liệu, tập tin hình ảnh, bản ghi chép, hình ảnh thực địa và báo cáo điền dã sẽ được sử dụng cho giai đoạn này. Các chủ đề không có giới hạn, kể cả chủ đề về giá trị gia đình (bổn phận làm con, tình thương gia đình, tình bạn), giá trị đạo đức (con đường trung đạo, sự điều độ), giá trị thành công (những thành quả của nghiên cứu siêng năng).

Trong giai đoạn thứ hai, các nhà nghiên cứu đưa ra một phác thảo và quyết định loại hình phù hợp với chủ đề. Kể chuyện dân tộc học được dựa trên các kết quả nghiên cứu thực địa. Trái lại, kể chuyện dân tộc học có cả hiện thực và hư cấu. Các loại hình của kể chuyện dân tộc học được phân loại như sau.

Loại A và loại B không thể phân chia một cách chính xác. Mỗi loại bao gồm cả thực tế và hư cấu thì cần được đánh giá bởi các nhà nghiên cứu. Tương tự như sự cao thượng, loại A phù hợp với các nội dung

mang tính sáng tạo. Chỉ khác với cao thượng là bao hàm ý nghĩa khoa học ở phần giới thiệu và kết luận. Hoặc là giải thích đặc điểm, hoàn cảnh, tình tiết quan trọng ở phần đầu và mô tả ý nghĩa hiện thời của câu chuyện ở phần cuối, hoặc đảo ngược trật tự thì được sử dụng trong loại A. Bảng 4 dưới đây đề cập đến phác thảo của loại A.

Loại B dành cho các nội dung mang tính chất thông tin chẳng hạn như phim tài liệu và giải thích. Cũng giống như những giải thích văn bản, lời giới thiệu mang tính khoa học, địa danh và lịch sử được trình bày ở phần đầu tiên, và ý nghĩa hiện tại của nó được thể hiện trong phần kết luận. Bảng 5 dưới đây giải thích cho loại B.

Bảng 4. Loại A (phim hoạt hình, phim truyện, tiểu thuyết)

Giới thiệu	1. Mô tả đặc điểm, bối cảnh, và các sự kiện tổng thể
	2. Đưa ra những giải thích và ý nghĩa mang tính khoa học của câu chuyện
Cao trào	Các nội dung liên quan
Đỉnh điểm (hạ thấp)	Các nội dung liên quan
Kết luận	1. Giải quyết những xung đột và miêu tả ý nghĩa hiện tại
	2. Giải quyết những xung đột và kết thúc

Bảng 5. Loại B (phim tài liệu, giải thích)

Phần giới thiệu	Giải thích mang tính khoa học (tên, lịch sử...)
Cốt truyện	Những ví dụ, miêu tả câu chuyện
Kết luận	Miêu tả ý nghĩa hiện tại

Loại A và B được đề xuất không phải là kết cấu tuyệt đối của kể chuyện, tuy nhiên những loại này có thể được dùng làm kim chỉ nam cho các nhà nghiên cứu, những người không quen với lối kể chuyện.

Sáng tác câu chuyện là quá trình viết thực tế. Viết ra không phải là điều khó khăn, miễn là khi viết cần phải suy nghĩ thận trọng và độ dài phải tuân thủ theo loại hình kể chuyện. Bất kỳ từ nào hoặc nội dung không chắc chắn thì sẽ được gạch chân hoặc thay đổi màu sắc gây sự chú ý để được bổ sung thêm bằng cách nghiên cứu lại hoặc phỏng

vấn qua điện thoại. Khi viết một câu chuyện, cần chú ý đến các điểm sau: thời gian, tính thống nhất, các quy tắc chính tả...

3.2. Ví dụ về kể chuyện dân tộc học

Ví dụ về việc sáng tác chuyện phải tuân thủ hình thức của các xuất bản phẩm mang tính giáo dục kết hợp với giải trí. Những nội dung này phải tuân theo loại hình chuẩn mực, vì thế loại dân tộc học mô tả là loại A. Câu chuyện này kể về sự vắng bóng của truyền thông vì những thay đổi về không gian khi thể hiện những thói quen của

trẻ vào mùa đông những năm 1970. Trong bảng bố cục, danh mục nằm trong tập tin nghiên cứu trước hoặc báo cáo điền dã cần

được nhấn mạnh. Ngoài ra, những hình ảnh hay các bản ghi chép liên quan cũng cần được thể hiện.

Bảng 6. Bố cục của loại A

Phần giới thiệu	1. Jinsu lo lắng về nơi để xe trượt tuyết
	2. Tại Teajung, anh ấy tạm biệt bạn bè rồi vượt qua Đèo Doraji (giải thích về Đèo Doraji)
Cao trào	3. Báo cáo về kỳ thi, du lịch ba lô
	4. Anh ấy rất vui sướng với cánh đồng táo đóng băng
	5. Khi về đến nhà, anh ấy cởi giày (giày cao su đen -> giày lông thú) và mang chiếc xe trượt tuyết một bánh đi cát
Đỉnh điểm (hạ thấp)	6. Bọn trẻ đi trượt tuyết và Jinsu khoe chiếc xe trượt tuyết một bánh của mình
	7. Anh ta tới Đèo Doraji để đón những người bạn
	8. Anh ta và các bạn trở lại nơi trượt tuyết
Kết luận	9. Sự thay đổi hiện thời về hoàn cảnh và không gian dẫn đến sự đứt quãng về thông tin liên lạc

Kể chuyện về làng Hwanggol đề cập đến dân tộc học mô tả như sau (Bảng 6):

“Liệu nó có đóng băng không? Có, nó sẽ đóng băng”

Trong khi nói chuyện với một số bạn bè, Jinsu lo lắng về việc tát nước cho cánh đồng lúa đêm qua. Anh ấy đang có một kỳ nghỉ đông đầu tiên kể từ khi vào trường trung học. Bạn bè của anh ấy có vẻ rất thích thú.

“Cái gì? Cái gì đóng băng?”

Bạn bè nhận thấy anh ấy đang lẩm bầm một mình. Jinsu nói với họ rằng, đêm qua cha anh ấy đã tưới nước cho ruộng đồng.

“Thật sao? Nếu nước đóng băng, cậu hãy gọi cho chúng tớ. Tớ sẽ về nhà và tìm xe trượt tuyết”.

Khi đi qua làng Taejung, anh ấy nhìn thấy dòng suối nhỏ bị đóng băng và cho rằng những cánh đồng lúa khác chắc cũng bị đóng băng. Jinsu hứa hẹn với bạn bè và một mình đi qua đèo Doraji (1A - Đèo Doraji). Đèo Doraji là một ngọn núi dẫn từ làng Taejung tới làng Hwanggok. Nó được gọi là núi đá Doraji hay là địa điểm Taejung, nơi có rất nhiều cây xanh và các loại thảo dược. Dân làng Taejung có thể tới làng Hwanggok và Dumil bằng cách đi qua con đường này. Thay vì vượt qua nơi này, đi đường vòng để đến các địa điểm Taejung-Dumil-Hwang có lẽ còn thuận tiện hơn. Tại đỉnh núi Doraji, anh ấy đột nhiên lấy ra một cái gì đó từ ba lô của mình. Sau đó, anh ấy nắm chặt nó và đi xuống con đường trơn trượt cùng với những chiếc lá rụng. Bất cứ

ai nhìn thấy cũng sẽ cười khi anh ấy đang cố gắng để không bị ngã. Jinsu đã xuống bên dưới và dừng lại ở ruộng táo (1A - cánh đồng lúa - táo). Ruộng này nằm sát bên cây táo vì thế được gọi là “cánh đồng táo”. Có nhiều đứa trẻ đang đi xe trượt tuyết. Khi nhìn thấy cánh đồng đóng băng, anh ấy mỉm cười rồi chạy vào nhà.

“Ông ơi, cháu đã về! Mẹ ơi, con về rồi!”

Anh ấy hét to lên, ném ba lô và một tờ giấy xuống. Tờ giấy này là giấy báo thành tích học kỳ của anh ấy. Cha anh ấy đã hứa sẽ mua cho anh một chiếc ba lô mới nếu anh ấy đứng trong top năm của lớp. Trong khi nắm chặt tờ giấy trên đường về nhà để khoe với cha, anh đã quên mất tờ giấy khi nhìn thấy cánh đồng băng giá. Anh đang chuẩn bị một chiếc xe trượt tuyết và đi đôi giày vừa mới mua. Tuy vậy, anh đã quay trở lại và thay bằng đôi giày cao su màu đen. Liệu cánh đồng trơn có đi được giày lông thú không? À, có lẽ Jinsu lo lắng về giày lông thú sẽ bị hỏng bởi băng giá. Trước đây, những đôi giày lông thú này là trào lưu trong làng Daegok. Những đôi giày có lông thú bên trong đôi giày cao su và đắt hơn đôi giày cao su thông thường. Jinsu nài nỉ bà mua cho mình, vì thế bà đã mua cho anh một đôi giày ở chợ Gimpo.

Nhiều trẻ em đang đi trên xe trượt tuyết. Thêm nhiều trẻ em đang ở đó trước khi anh ấy về nhà. Jinsu ngắm chiếc xe trượt tuyết một bánh trên ruộng. Bọn trẻ rất ngạc nhiên trước việc Jinsu đi chiếc xe trượt tuyết một bánh.

“Tớ khác với những bạn đi xe trượt tuyết hai bánh. Bởi vì tớ đang học trung

học”. Jinsu tự hào về mình, tuy vậy, anh ấy vẫn còn là đứa trẻ. Vì có thân hình nhỏ nhắn nên anh ấy trông giống như học sinh tiểu học. Anh ấy không biết mình trông như thế nào.

“Những ai muốn đi xe trượt tuyết một bánh thì lại đây”.

Anh ấy vênh mặt lên với chiếc xe trượt tuyết của mình. Bọn trẻ chạy tới để đi thử chiếc xe trượt tuyết một bánh như là một loại sản phẩm mới. Chiếc xe trượt tuyết một bánh này do cha anh làm ra. Jinsu đề nghị cha mình làm cho một chiếc xe trượt tuyết mới bởi vì chiếc xe trượt tuyết hai bánh đã quá cũ. Người cha đã làm một chiếc xe trượt tuyết mới bằng gỗ với mong muốn Jinsu hứa sẽ chăm chỉ học tập trong năm thứ hai ở trường trung học. Liệu Jinsu có còn nhớ lời hứa này không?

Bất chợt Jinsu nhớ tới những người bạn của mình đang sống trong làng Taejung. Anh ấy hứa sẽ đưa họ tới cánh đồng băng khi nước đóng băng. Em trai của anh ấy, Mansu, cũng đã đưa bạn bè từ làng Taejung tới. Jinsu đã vượt đèo Doraji để đưa các bạn tới nơi. Khi quay trở lại ruộng lúa, Jinsu và những người bạn đi xe trượt tuyết vượt qua những chiếc lá rơi. Vui đùa trên xe trượt tuyết, mọi người chạy tới ruộng lúa có cây táo. Hôm nay thật là một ngày khó quên trong kỳ nghỉ đông.

Đèo Doraji, nối làng Taejung với làng Hwangnok, không còn được sử dụng cùng với việc di chuyển của quân đội từ năm 1980. Lối đi vào đèo cũng bị các nhà máy chiếm dụng bất hợp pháp. Con đường biến mất và chỉ còn lại động vật hoang dã và các lá cây. Khi đèo bị chặn lại, truyền thông

trực tiếp giữa làng Taejung với làng Hwanggolvillage bị ngưng trệ. Mặc dù mọi người có thể sử dụng điện thoại, nhưng cơ hội gặp mặt nhau ngày càng trở nên ít hơn. Đèo Yangal tại làng Sulwon cũng xảy ra trường hợp tương tự. Như vậy, sự thay đổi về không gian dẫn đến việc gián đoạn và biến đổi về thông tin liên lạc.

Chúng tôi cho rằng, quy trình sáng tác chuyện là giai đoạn quan trọng nhất trong kể chuyện dân tộc học. Giai đoạn này chủ yếu bao gồm việc lựa chọn chủ đề, phác thảo đề cương và lựa chọn các thể loại, và sự sáng tạo. Nghiên cứu sử dụng phương pháp này để mô tả làng Hwanggol theo hình thức của thể loại A. Có thể viết nên câu chuyện của các làng khác bằng cách sử dụng phương pháp này.

4. Kết luận

Để tìm ra phương pháp kể chuyện bằng cách sử dụng các nguồn tài nguyên văn hóa địa phương, nghiên cứu này đã tiếp nhận kể chuyện dân tộc học gồm các giai đoạn nghiên cứu dân tộc học dựa trên nghiên cứu thực địa. Các bước tiếp theo của kể chuyện dân tộc học là việc chọn vùng -> nghiên cứu trước -> nghiên cứu chính -> sáng tác câu chuyện -> OSMU (Một nguồn tài liệu được sử dụng nhiều lần). Lựa chọn vùng, nghiên cứu trước và nghiên cứu chính không phụ thuộc vào một thể loại nhất định của OSMU. Chúng là bộ phận cơ bản của việc khám phá và tổ chức tài nguyên văn hóa địa phương.

Bước quan trọng trong kể chuyện dân tộc học là sáng tác câu chuyện, trong đó tóm tắt các nguồn tài nguyên và thu thập các tài

liệu có liên quan đến một thể loại nhất định. Nghiên cứu này nhằm mục đích chỉ ra cách kể chuyện được sử dụng trong phương pháp giáo dục kết hợp với giải trí đối với học sinh trung học. Kể chuyện dân tộc học có một số quy trình và thể loại riêng. Tuy nhiên, có ba điểm cần lưu ý trong việc sử dụng công cụ dân tộc học mô tả như sẽ được đề cập dưới đây.

Trước tiên, kể chuyện dân tộc học phải mô tả địa điểm một cách sống động. Câu chuyện nên chứa đựng không gian và thời gian thực. Điều này chỉ có thể đạt được thông qua nghiên cứu thực địa. Các nhà nghiên cứu cần phải hiểu giá trị của địa điểm xuất hiện trong bài viết. Kể chuyện dân tộc học đã đưa địa điểm đó ra khỏi nội dung và hành động như một “nét chấm phá” làm gợi nhớ tới ký ức của nụ hôn đầu tiên sống động đối với độc giả (Barthes, 1981).

Thứ hai, kể chuyện dân tộc học cần có sự đa dạng. Kể chuyện luôn được thay đổi tùy theo đặc điểm của khu vực, sự kỳ vọng của độc giả, nơi sản xuất, kinh nghiệm của người sản xuất... Khi những nội dung đa dạng tạo nên câu chuyện thì việc kể chuyện sẽ có nhiều giá trị và đa dạng. Câu chuyện nên đưa ra một sự lựa chọn hấp dẫn rộng rãi để người đọc có thể lựa chọn.

Thứ ba, kể chuyện dân tộc học cần có thể văn tường thuật. Thể văn này là nền tảng của câu chuyện và làm cho câu chuyện tự kể chuyện hơn. Đặc biệt, những câu chuyện kể làm cho mọi người cảm thấy thú vị và nóng lòng muốn sắp xếp lại câu chuyện.

Tài liệu tham khảo

1. Barthes, Roland (1981), *Camera Lucida*, Hill and Wang, New York.

2. Gobo, Giampietro (2008), “Ethnography”, in: David Silverman (2011), *Qualitative Research*, Sage.

3. Kim, Kihyuk (2009), “The use of a map of the village studies”, *The Methodology for Village Research and Making Village Research Paper*, The Academy of Korean Studies.

4. Kim, Youngsoon (2010), “Socio-cultural Reconstruction of Space Text and Space Storytelling - Focusing on the Case Study of Gumdan and Chuncheon”, *Humanities Content* 19, Pp. 35-59.

5. Kim, Youngsoon (2011), *Social-cultural Expansion and Transformation of Storytelling*, Book Korea.

6. Kim, Youngsoon & Lim, Jihye (2010), “A Study on the Process of Creating “the Digital Village Document”: Focusing on the Village Group “Incheon Gumdan”, *The Language and Culture* 6(3), Pp. 19-41.

7. Kim, Youngsoon & Oh, Sekyung (2010), “A Case Study on Storytelling for the Regional Cultural Education: Focusing on the Origin of the Region Yeorae Village”, *Korean journal of culture and arts education studies* 5(1), Pp. 149-169.

8. Kim, Youngsoon & Yun, Heejin (2010), “A Study on the storytelling process of the native culture resources - Focusing on the Korean traditional Village “Hwanggok”, *Humanities Content* 17, Pp. 327-343.



thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Ảnh: Trần Hồng Hạnh